TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 20 - 7 - 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh rực;

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn P, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Danh Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ HKTT: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 05/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn P trình bày: Vào năm 2011, ông Dương Văn P và bà Danh Thị L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 21/2011, ngày 08/02/2011. Sau khi kết hôn bà Danh Thị L và ông Dương Văn P sống hạnh phúc nhưng đến tháng 04 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông Dương Văn P và bà Danh Thị L không chung sống từ tháng 05/2013 cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà Danh Thị L và ông Dương Văn P có một người con chung tên Dương Hoàng L, sinh ngày 05/10/2011. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Dương Văn P yêu cầu ly hôn với bà Danh Thị L; về con chung ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung, nợ chung không có nên ông P không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn bà Danh Thị L: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà L, nhưng bà L không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà L vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà L biết. Bị đơn bà Danh Thị L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Danh Thị L chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng ông Dương Văn P và bà Danh Thị L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P; giao cháu Dương Hoàng L, sinh ngày 05/10/2011 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà L không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/5/2023, nguyên đơn ông Dương Văn P trình bày: Vào năm 2011, ông Dương Văn P và bà Danh Thị L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 21/2011, ngày 08/02/2011. Ông P yêu cầu xin được ly hôn với bà Danh Thị L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn bà Danh Thị L cư trú tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Danh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Danh Thị L.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Dương Văn P và bà Danh Thị L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2011, ngày 08/02/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà L là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, ông P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông P, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung ông bà thường xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Bà L và ông P đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2013 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì bà L và ông P không hàn gắn được tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà L và ông P đoàn tụ với nhau nhưng bà L vẫn vắng mặt và ông P vẫn kiên quyết ly hôn với bà L vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà L và ông P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của ông P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà L.

[5] Về con chung: Ông Dương Văn P xác định trong thời gian chung sống, ông P và bà L có 01 người con chung là Dương Hoàng L, sinh ngày 05/10/2011, hiện đang sống chung với ông P; ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi ông P và bà L không sống chung với nhau cho đến nay cháu P do ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và quá trình giải quyết vụ án cháu L có nguyện vọng sống chung với ông P. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu L cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Danh Thị L mà không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Dương Văn P không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Văn P xác định trong thời gian chung sống ông P và bà Danh Thị L không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Dương Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Danh Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn P được ly hôn với bà Danh Thị L.

1.2. Về con chung: Giao cháu Dương Hoàng L, sinh ngày 05/10/2011 cho ông Dương Văn P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Danh Thị L không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Danh Thị L mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Văn P xác định trong thời gian chung sống ông P và bà Danh Thị L không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006930 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, ông Dương Văn P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Bà Danh Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh